

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30- 9-2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Th, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Số 20/2, B, Tổ 48, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 20/2, B, Tổ 48, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết

hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyền số 01/2017, ngày 21/02/2017 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại địa chỉ số nhà 20/2, B, Tổ 48, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua một thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, ông T không quan tâm đến gia đình, thường hay đi xa, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, mệt mỏi. Hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, tuy nhiên vợ chồng không quan tâm nhau và đã ly thân hơn 01 năm nay.

Vì vậy, nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà Th không còn tình cảm với ông T, không thể hàn gắn được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu địa phương, gia đình hai bên hòa giải.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Phan Thị Th, ông Nguyễn Minh T (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Th cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Minh T.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Phan Thị Th vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Th đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T về việc “Ly hôn”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 18 tháng 6 năm 2020, bà Phan Thị Th có đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Th khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Minh T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Minh T đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2017, ngày 21/02/2017 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà Th và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8,9 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà Th và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này chứng tỏ ông T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Bà Th xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng đã ly thân hơn một năm, nên bà Th quyết định ly hôn với ông T.

Việc bà Th và ông T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà Th, ông T cư trú cho biết: Bà Th và ông T là vợ chồng, quá trình chung sống địa phương không biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không.

Tuy nhiên, bà Th xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Th đối với ông Nguyễn Minh T.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Minh T không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị Th phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Th về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

1.2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050139, ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, TP. T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Lâm

Trương Ngọc Điệp

Nguyễn Thị Minh Nga

